

Số: 2251/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 25 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung lần 5
dự án: Kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc do Ngân hàng Phát triển
Châu Á và Chính phủ Úc tài trợ (Tuyến nối Lai Châu với Cao tốc
Nội Bài – Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu)**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy
định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài
nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi
Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính
hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện
bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 Quy định chi tiết
Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung
một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một
số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND
tỉnh Lai Châu ban hành quy định mức trích, nội dung chi và mức chi cho công
tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất
trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Khung chính sách dự án: Kết nối giao thông các tỉnh Miền núi
phía Bắc do Ngân hàng Phát triển Châu Á và Chính phủ Úc tài trợ (Tuyến nối
Lai Châu với Cao tốc Nội Bài – Lào Cai);*

*Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh
Lai Châu ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi
thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;*

Căn cứ Quyết định số 754/QĐ-UBND ngày 18/6/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Chấp thuận cho phép để thực hiện và cập nhật bổ sung các công trình, dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 12/2021/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 của UBND tỉnh Lai Châu V/v Ban hành Quy định về hạn mức giao đất; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất ở; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất; diện tích, kích thước tối thiểu được tách thửa trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 của UBND tỉnh Lai Châu về Ban hành đơn giá bồi thường về tài sản, cây trồng, vật nuôi trên đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn huyện Tam Đường và thành phố Lai Châu thuộc dự án kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc do Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và Chính phủ Úc tài trợ;

Căn cứ Quyết định số 995/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 của UBND thành phố Lai Châu V/v Ban hành Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm phục vụ công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc do Ngân hàng Phát triển Châu Á và Chính phủ Úc tài trợ (Tuyến nối Lai Châu với Cao tốc Nội Bài – Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu);

Căn cứ Quyết định số 455/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 của UBND thành phố Lai Châu về việc Phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện 04 dự án trên địa bàn thành phố Lai Châu;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 761 /TTr-TNMT ngày 22/11/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung lần 5 dự án: Kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc do Ngân hàng Phát triển Châu Á và Chính phủ Úc tài trợ (Tuyến nối Lai Châu với Cao tốc Nội Bài – Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu), cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ, tái định cư chủ đầu tư phải chi trả là: 550.314.806 đồng.

(Bằng chữ: Năm trăm năm mươi triệu ba trăm mười bốn nghìn tám trăm linh sáu đồng).

Trong đó:

- Chi trả cho chủ sở hữu:	550.314.806 đồng
+ Về đất:	2.734.900 đồng
+ Tài sản, vật kiến trúc:	494.010.290 đồng
+ Cây cối, hoa màu:	4.696.616 đồng
+ Chính sách hỗ trợ:	48.873.000 đồng

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

2. Nguồn kinh phí chi trả, thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất.

- Nguồn kinh phí chi trả: Lấy từ nguồn vốn của dự án.

- Thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất: Thực hiện theo Điều 24 Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên và Môi trường, Kinh tế, Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Đông Phong; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các hộ gia đình có tên trong phương án bồi thường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

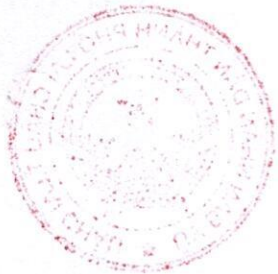
Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban Quản lý dự án 2 – Bộ GTVT;
- Chủ tịch UBND thành phố (thay b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Xiêng



PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ PHÊ DUYỆT BỔ SUNG LẦN 5

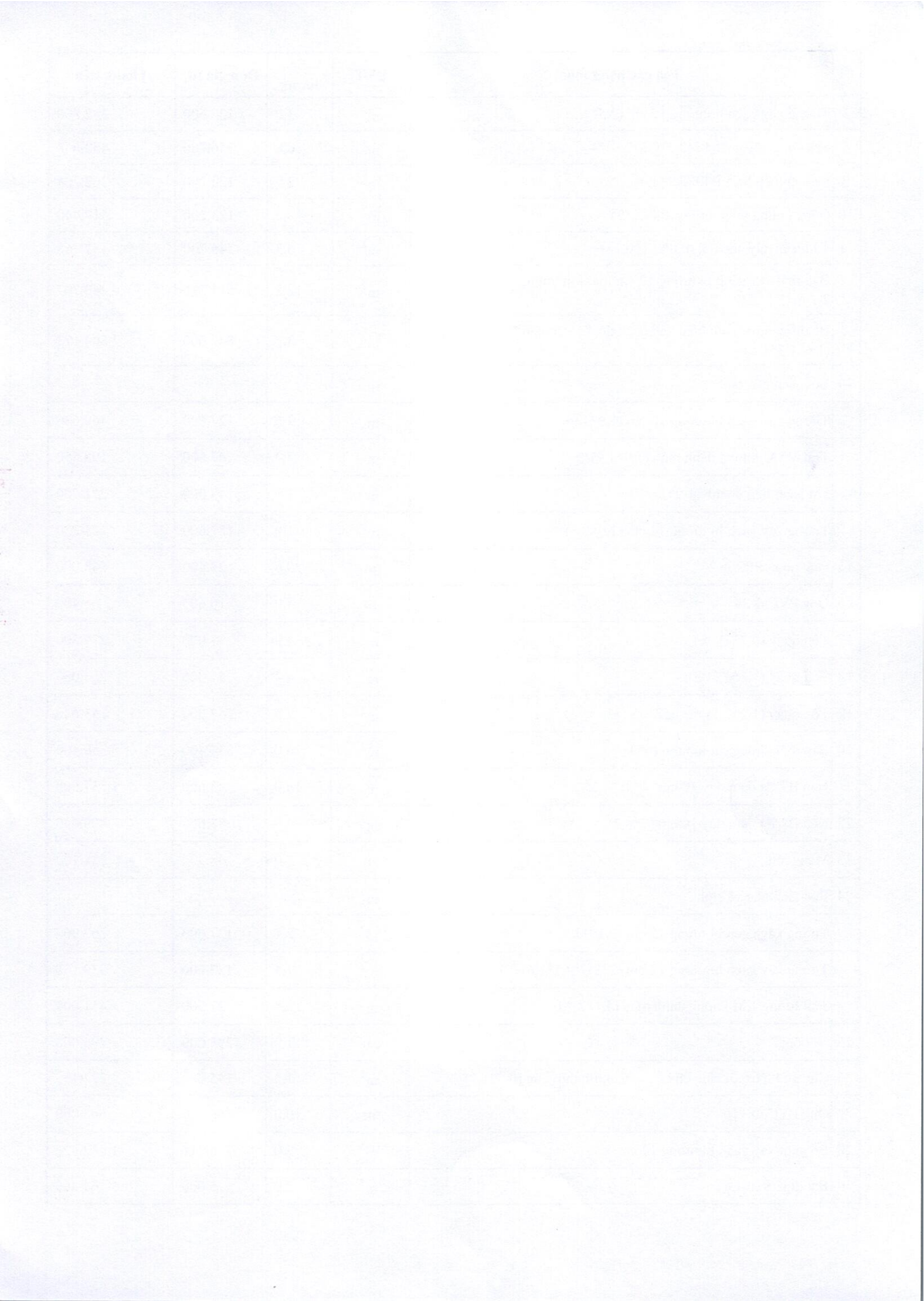
**Dự án: Kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc
(Tuyến nối Lai Châu với cao tốc Nội Bài- Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu).**

(Kèm theo Quyết định số: 2251 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2021 của UBND thành phố Lai Châu)

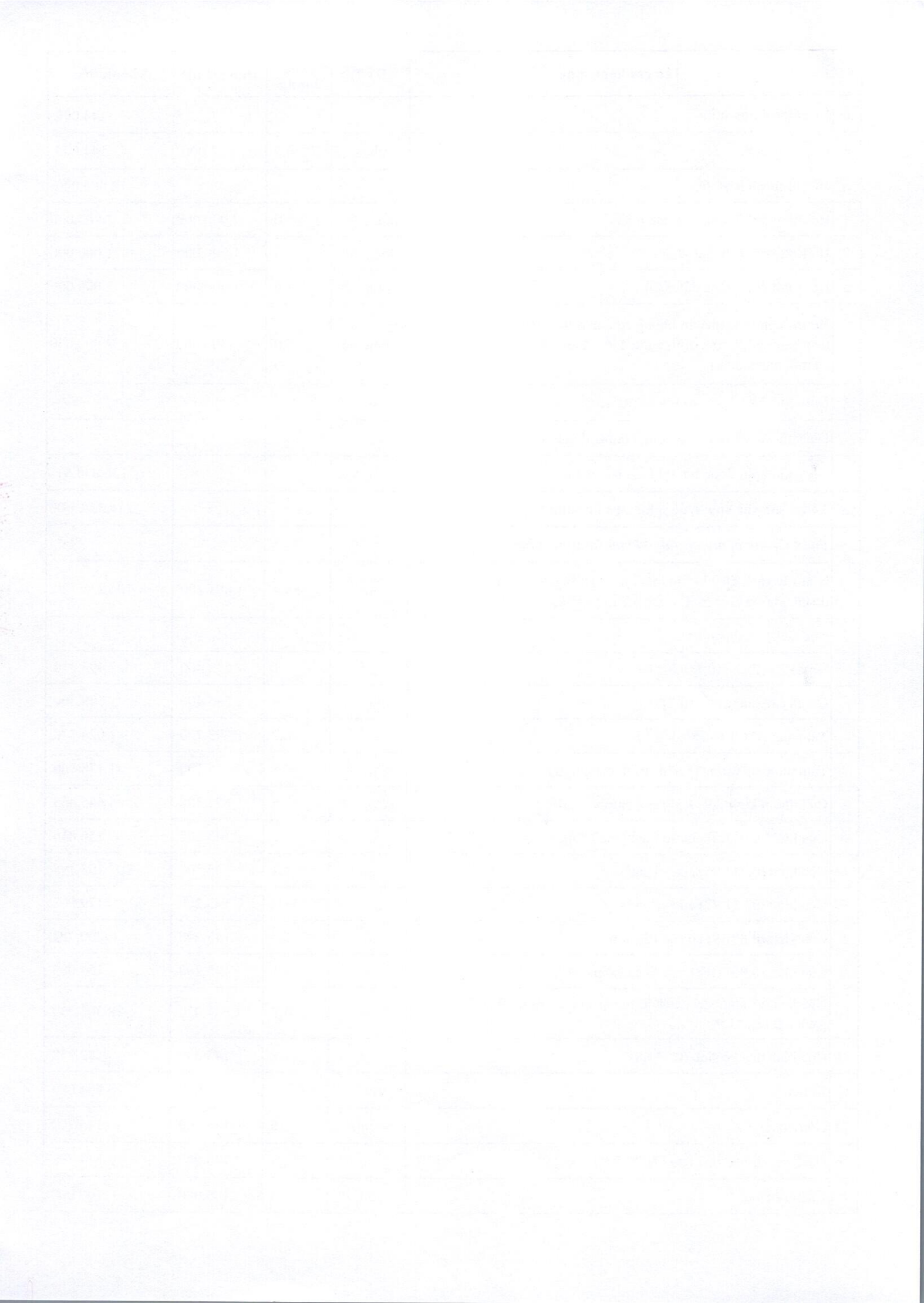
TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
A	Tổng cộng				550.314.806
1	Chi trả cho chủ sở hữu				550.314.806
a	Về đất				2.734.900
b	Về tài sản vật kiến trúc				494.010.290
c	Về cây cối hoa màu				4.696.616
d	Về chính sách hỗ trợ				48.873.000
B	Chi tiết cho các hộ dân				550.314.806
	Phường Đông Phong				
1	Đối với hộ ông Phạm Văn Thời				
	Địa chỉ: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)				
					1.486.535
a	Về tài sản vật kiến trúc				766.535
1	Tấm đan BTCT (5*1,1*0,1)	m ³	0,6	1.393.700	766.535
b	Về cây cối hoa màu				720.000
1	Cây đào bán kính phát tán từ 1-2 m	Cây	2,0	360.000	720.000
2	Đối với hộ ông Lê Văn Lạc				
	Địa chỉ: Tổ 24 phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)				
					99.264.013
b	Về tài sản vật kiến trúc: Tài sản vật kiến trúc nằm trên đất nhà ông Nguyễn Viết Toan (Diện tích thu hồi 187,7m² Đất trồng cây hàng năm)				91.120.013
	<i>Toàn bộ tài sản do ông Lê Văn Lạc tạo lập năm 2012 trên đất nông nghiệp khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng, gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp, tài sản tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất.</i>				
1	Nhà xây gạch bi tường 12 cm mái lợp tôn nền lát gạch liên doanh trần nhựa không hiện BTCT cao 3,5 m (4,4*7,3)	m ²	32,1	1.645.600	52.856.672
2	Bán mái khung sắt lợp tôn (7,3*3,7)	m ²	27,0	334.400	9.032.144
3	Tôn Quay (1,4*3,4)+(3,7*1,4)		9,9	57.000	566.580
4	Khung thép lưới B40 (1,4*3,4)+(3,7*1,4)	m ²	9,9	123.200	1.224.608
5	Nền BT đá dăm dày 10 cm (7,3*3,5)	m ²	25,6	83.600	2.135.980
6	Tường xây gạch bi tường 12 cm (1,9*1,2)	m ²	2,3	127.600	290.928



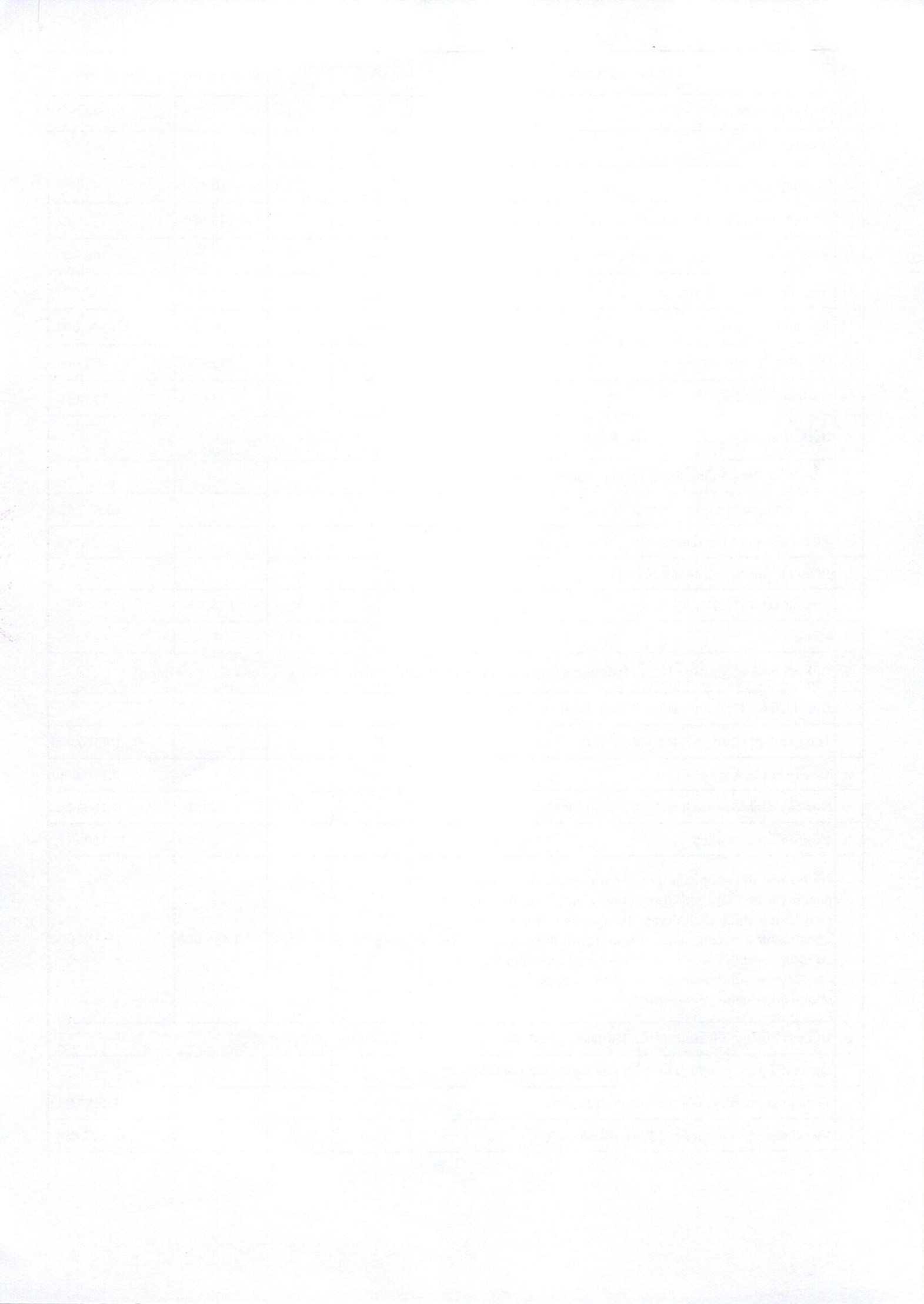
TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
7	Tường xây gạch bi tường 12 cm (2,5*1,2)	m ²	3,0	127.600	382.800
8	Trụ cổng xây gạch bi (0,3*0,3*2,3)*4	m ³	0,8	546.700	452.668
9	Khung thép lưới B40 (2,1*1,4)	m ²	2,9	123.200	362.208
10	Công khung thép lưới B40 (2,1*2)	m ²	4,2	123.200	517.440
11	Tam cấp xây gạch bi (0,8*2,1*0,15)	m ³	0,3	546.700	137.768
12	Bán mái xây gạch bi tường 12 cm mái lợp tôn nền láng VXM cao 2,7 m (3,2*3,8)	m ²	12,2	513.216	6.240.707
13	Bê đưng nước sinh hoạt xây gạch đỏ T11cm nắp BT (1,6*1,3*1,6)	m ²	3,3	842.600	2.804.173
14	Bóc tách nhà tắm	m ²			-
	Tường xây gạch bi tường 12 cm (1,9*1,9)	m ²	3,6	127.600	460.636
	Trát VXM không đánh màu (1,9*1,9)*2	m ²	7,2	27.500	198.550
	Lát gạch liên doanh (1,9*1)	m ²	1,9	143.000	271.700
	Tường xây gạch bi tường 12 cm (1,9*0,5)	m ²	1,0	127.600	121.220
15	Ống nhựa PPR φ 20	m	20,0	27.400	548.000
16	Ống PVC φ 34	m	4,0	16.600	66.400
17	Tôn quây (0,7*7)	m ²	4,9	57.000	279.300
18	Tôn quây (1,2*3,7)	m ²	4,4	57.000	253.080
19	Tôn quây (1,2*2,1)	m ²	2,5	57.000	143.640
20	Bán mái khung sắt lợp tôn (4*4)	m ²	16,0	334.400	5.350.400
21	Nền BT đá dăm dày 10 cm (4*4)	m ²	16,0	83.600	1.337.600
22	Nền BT đá dăm dày 10 cm (7*0,7)	m ²	4,9	83.600	409.640
23	Máng tôn	m	7,0	48.300	338.100
24	Bóc tách nhà vệ sinh	m ²			-
	Tường xây gạch bi tường 12 cm (2,1*1)	m ²	2,1	127.600	267.960
	Tường xây gạch bi tường 12 cm (2*2)+(2,1*1,6)	m ²	7,4	127.600	939.136
	Trát tường XM không đánh màu (4,1*2)*2	m ²	16,4	27.500	451.000
25	Xí xôm	cái	1,0	295.000	295.000
26	Cửa gỗ hỗ trợ di chuyển bằng cửa kính thủy lực (0,9*1,7)	m ²	1,5	145.200	222.156
27	Ống PVC Φ 110	m	10,0	66.500	665.000
28	Bê phôt xây gạch bi tường 12 cm	m ³	2,0	716.210	1.432.420
29	Bạt dứa (9,2*1,4)	m ²	12,9	5.000	64.400



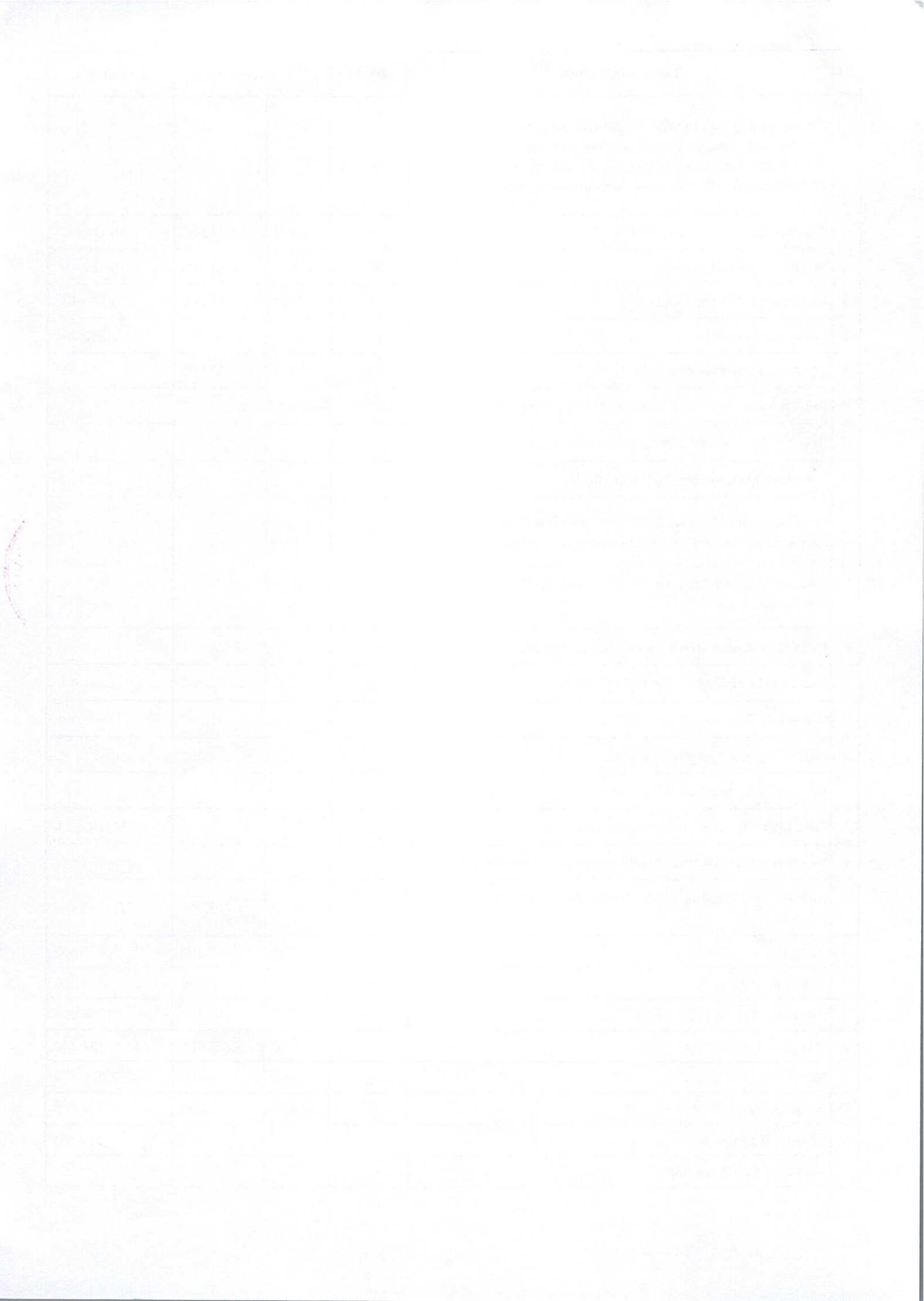
TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
c	Về cây cối hoa màu				144.000
1	Chậu cây cảnh	chậu	6,0	24.000	144.000
d	Về chính sách hỗ trợ				8.000.000
1	Hỗ trợ di dời đường ống dẫn nước	đồng/ hộ	1,0	2.000.000	2.000.000
2	Hỗ trợ di dời cáp viễn thông	đồng/ hộ	1,0	1.000.000	1.000.000
3	Hỗ trợ di dời đường dây điện	đồng/ hộ	1,0	1.000.000	1.000.000
4	Hỗ trợ tiền thuê nhà do không có nhà ở thay thế trong thời gian 5 tháng trong khi nhà ở thay thế đang được xây dựng (hộ gia đình có một nhân khẩu)	đồng/ hộ	5,0	800.000	4.000.000
3	Đối với hộ bà Nguyễn Quỳnh Giang				
	Địa chỉ: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)				
					136.830.537
a	Về tài sản vật kiến trúc (phúc tra bổ sung)				136.830.537
	<i>Phần tài sản bị ảnh hưởng không sử dụng được</i>				
1	Nhà xây gạch đỏ T11 cm mái lợp tôn trần nhựa, nền lát gạch liên doanh không hiện BTCT cao 4,2 m (4,5*12,3)	m ²	55,4	1.883.200	104.235.120
2	Bóc tách cầu thang				
	Ốp đá cầu thang (0,7*0,3)*10	m ²	2,1	235.400	494.340
	Ốp đá cầu thang (0,7*0,2)*10	m ²	1,4	235.400	329.560
	Tấm đan BTCT (0,7*0,3*3,5)	m ³	0,7	1.393.700	1.024.370
3	Tấm phóc ốp tường (1,9*4) (tính bằng trần gỗ dán, phóc)	m ²	7,6	155.100	1.178.760
4	Cửa nhôm kính(2,9*2,57) cửa chính	m ²	7,5	623.300	4.645.455
5	Cửa kính (0,9*1,2) cửa sổ buồng ngủ tầng 1	m ²	1,1	145.200	156.816
6	Cửa kính (0,7*1,95) cửa sổ gác xép	m ²	1,4	145.200	198.198
7	Cửa kính (0,7*1,77) cửa sổ gác xép	m ²	1,2	145.200	179.903
8	Cửa kính (0,8*1,9) cửa sổ gác xép	m ²	1,5	145.200	220.704
9	Cửa kính (0,96*1,17) cửa sổ gác xép	m ²	1,1	145.200	163.089
10	Nhà tắm, vệ sinh xây gạch đỏ tường 11cm mái đồ BTCT nền lát gạch LD (2,6*1,9)	m ²	4,9	1.681.020	8.304.239
11	Cửa kính nhà vệ sinh (0,7*1,8)	m ²	1,3	145.200	182.952
12	Xí bệt	cái	1,0	960.000	960.000
13	Nóng lạnh	cái	1,0	145.200	145.200
14	Gạch ốp tường nhà tắm (7,5*1,72)	m ²	12,9	143.000	1.844.700
15	Chậu rửa mặt	bộ	1,0	100.000	100.000



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
16	Ống nước PPR ϕ 20	m	10,0	27.400	274.000
17	Ống nước PPR ϕ 40	m	5,0	76.500	382.500
18	Ống nhựa PVC ϕ 34	m	3,0	16.600	49.800
19	Nền lát gạch LD trước cửa nhà vệ sinh (2,05*1,68)	m ²	3,4	143.000	492.492
20	Bê đựng nước sinh hoạt xây gạch đỏ tường 11 cm nắp BT	m ³	7,0	757.900	5.305.300
21	Bê phốt xây gạch đỏ tường 11 cm	m ³	5,0	842.600	4.213.000
22	Téc nước	Cái	1,0	500.000	500.000
23	Dàn năng lượng mặt trời	Bộ	1,0	495.000	495.000
24	Gạch ốp (3,3*1,6)	m ²	5,3	143.000	755.040
4	Đối với hộ bà Nguyễn Thị Bảy (Bảy)				
	Địa chỉ: tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)				10.527.900
a	Về tài sản vật kiến trúc: (Phúc tra bổ sung)				10.527.900
	<i>Phần tài sản nằm trên đất thu hồi</i>				
1	Cửa sắt xếp (5*2,4)	m ²	12,0	825.000	9.900.000
2	Máng tôn	m	13,0	48.300	627.900
5	Đối với hộ ông Vũ Hoa Kết (Hiện trạng ông Nguyễn Văn Phương và bà Phạm Thị Toàn đang sử dụng)				
	Địa chỉ: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)				19.310.000
a	Về cây cối hoa màu				2.160.000
1	Hoa cây cảnh cho thu hoạch (Cây ngũ sắc)	m ²	45,0	48.000	2.160.000
b	Về chính sách hỗ trợ				17.150.000
1	Hỗ trợ mất thu nhập tạm thời đối với hộ gia đình buôn bán, kinh doanh kết hợp làm nhà ở phải tạm ngưng kinh doanh do dự án theo khung chính sách dự án: Hộ gia đình không có hồ sơ thuế, ước tính bằng 5 tháng nhân mức lương tối thiểu trong khu vực dự án (Mức lương là 3.430.000đ/tháng theo quy định tại Nghị định 90/2019 quy định mức lương cơ sở; thời gian gián đoạn kinh doanh ước tính là 05 tháng).	đồng/tháng	5,0	3.430.000	17.150.000
6	Đối với hộ ông Vũ Hoa Kết (Hiện trạng gia đình ông Phạm Hồng Kỳ đang sử dụng)				
	Địa chỉ: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)				53.455.880
a	Về tài sản vật kiến trúc: (Phúc tra bổ sung)				53.323.880



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền	
	<i>Tài sản do ông Vũ Hoa Kết (Phạm Hồng Kỳ) tạo lập năm 2012 trên đất nông nghiệp, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng, tài sản tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất, gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp</i>					
1	Bán mái khung sắt lợp tôn (8*15)	m ²	120,0	334.400	40.128.000	
2	Nền BT đá dăm dày 10 cm	m ²	79,3	83.600	6.629.480	
3	Tôn bung (25*3) + (3*13,4)	m ²	115,2	57.000	6.566.400	
b	Về cây cối hoa màu				132.000	
1	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ 3	cây	1,0	132.000	132.000	
7	Đối với hộ bà Nguyễn Khánh Hòa (Hiện trạng hộ gia đình ông Lê Bá Lực đang sử dụng)					
	Địa chỉ: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)					2.281.301
a	Về tài sản vật kiến trúc: do bà Nguyễn Khánh Hòa (Lê Bá Lực) tạo lập năm 2013 trên đất nông nghiệp khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng, tài sản tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất, gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp.				2.281.301	
	Phần tài sản nằm trên diện tích đất đã thu hồi					
1	Tấm đan BT không cốt thép (2,2*7,1*0,1)	m ²	1,6	852.500	1.331.605	
2	Nền BT đá dăm dày 10 cm (1,6*7,1)	m ²	11,4	83.600	949.696	
8	Đối với hộ ông Nguyễn Đức Tịnh					
	Địa chỉ: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)					131.765.240
a	Về tài sản vật kiến trúc: bị ảnh hưởng không sử dụng được				130.854.624	
1	Nhà xây gạch bi tường 12 cm mái lợp PRXM nền láng VXM cao 3,2 m (12*4)*2	m ²	96,0	1.272.744	122.183.424	
2	Máng tôn	m	72,0	48.300	3.477.600	
3	Ống nước PVC φ 76	m	12,0	39.700	476.400	
4	Ống nước PVC φ 110	m	12,0	66.500	798.000	
5	Ống nước PPR φ 21	m	12,0	27.400	328.800	
6	Nền BT đá dăm dày 10 cm (2*12)	m ²	24,0	83.600	2.006.400	
7	Trần bạt dứa (12*4)*2	m ²	96,0	16.500	1.584.000	
b	Về cây cối hoa màu				910.616	
	Nằm trên đất đã thu hồi					



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	Truy thu lại cây sấu đường kính gốc từ 10-25 cm đã tính và được phê duyệt tại Quyết định số 1032/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của UBND thành phố Lai Châu.	Cây	1,0	-42.000	-42.000
2	Tính bổ sung cây sấu bán kính phát tán từ 2-4 m	Cây	1,0	360.000	360.000
3	Truy thu lại cây xà cừ đường kính 30 cm cao 7 m đã tính và được phê duyệt tại Quyết định số 1032/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của UBND thành phố Lai Châu.	m ³	0,5	480.000	-237.384
4	Cây lấy gỗ nhóm 2 đường kính từ 45 cm trở lên	Cây	1	650.000	650.000
5	Cây đa có đường kính từ 25 cm trở lên	Cây	2	150.000	300.000
6	Truy thu lại hoa cây cảnh cho thu hoạch đã tính và được phê duyệt tại Quyết định số 1032/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của UBND thành phố Lai Châu.	Cây	2,5	-48.000	-120.000
9 Đối với hộ ông Vàng A Chiêu (hiện trạng ông Nguyễn Trọng Thủy đang sử dụng)					
Địa chỉ: Bàn phan chu hoa, xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường					
Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)					
a Về tài sản vật kiến trúc:					29.560.960
Phần tài sản bị ảnh hưởng không sử dụng được					
1	Nhà khung sắt lợp tôn chống nóng (15,2*4)	m ²	60,8	486.200	29.560.960
10 Đối với hộ ông Đỗ Văn Khiêm					
Địa chỉ: thành phố Lai Châu					
Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)					
a Về chính sách hỗ trợ					17.150.000
1	Hỗ trợ mất thu nhập tạm thời đối với hộ gia đình buôn bán, kinh doanh kết hợp làm nhà ở phải tạm ngưng kinh doanh do dự án theo khung chính sách dự án: Hộ gia đình không có hồ sơ thuế, ước tính bằng 5 tháng nhân mức lương tối thiểu trong khu vực dự án (Mức lương là 3.430.000đ/tháng theo quy định tại Nghị định 90/2019 quy định mức lương cơ sở; thời gian gián đoạn kinh doanh ước tính là 05 tháng).	đồng/tháng	5,0	3.430.000	17.150.000
11 Đối với hộ ông Hăng A Chu (hiện bà Phạm Thị Kim Dung đang sử dụng)					
Địa chỉ: Bàn Phan Chu Hoa, xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu					
Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)					
a Về đất					528.500
1	Diện tích thu hồi	m ²	15,1		
2	Loại đất				
Đất bằng trồng cây hàng năm khác		m ²	15,1	35.000	528.500
Vị trí (VT1)					



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
	Nguồn gốc: Đất ông Hảng A Chu tự khai hoang sử dụng từ trước năm 1993, sử dụng là đất bằng trồng cây hàng năm khác. Đất gia đình sử dụng ổn định, không tranh chấp.				
b	Về chính sách hỗ trợ				1.585.500
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (theo quy định tại Điều 16, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu), mức hỗ trợ bằng 3 lần giá đất bằng trồng cây hàng năm khác	m ²	15,1	105.000	1.585.500
12	Đối với hộ bà Vũ Thị Luyện				
	Địa chỉ: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)				1.631.618
a	Về tài sản vật kiến trúc: (Phúc tra bổ sung)				1.631.618
1	Nền BT đá dăm dày 10 cm (3,6*5)	m ²	18,0	83.600	1.504.800
2	Tấm đan BTCT (0,7*1,3*0,1)	m ²	0	1.393.600	126.818
13	Đối với hộ bà Trần Thị Nguyệt (hiện trạng hộ gia đình ông Lưu Đức Lợi đang sử dụng)				
	Địa chỉ: Tổ 6, phường Đoàn Kết, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				8.615.269
a	Về đất				251.600
1	Diện tích thu hồi	m ²	6,8		
2	Loại đất				
	Đất trồng cây lâu năm	m ²	6,8	37.000	251.600
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: Đất của gia đình bà Trần Thị Nguyệt (hiện trạng ông Lưu Đức Lợi đang sử dụng) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 772 628, gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp, mục đích là đất trồng cây lâu năm.				
b	Về tài sản vật kiến trúc				7.823.669
	Phân tài sản nằm trên diện tích đất đã thu hồi				
1	Công sắt (2,8*2,3)	m ²	6,4	825.000	5.313.000
2	Nền BT đá dăm dày 10cm (4*1,5)	m ²	6,0	83.600	501.600
3	Tường xây gạch đỏ T11cm (0,7*1,8)	m ²	1,3	273.900	345.114
4	Trụ công xây gạch bi (0,25*0,25*1,6)	m ³	0,1	546.700	54.670
5	Tường xây gạch đỏ T11cm (2*1,1) + (3*0,7)	m ²	4,3	237.900	1.022.970

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
6	Trụ công xây gạch đỏ (0,35*0,35 *1,1)	m ²	0,1	987.900	133.120
7	Nền BT đá dăm dày 10cm (3,9*0,69)	m ²	2,7	83.600	224.968
Phần tài sản ảnh hưởng không sử dụng được					
1	Nền BT đá dăm dày 10cm (3,9*0,7)	m ²	2,7	83.600	228.228
c	Về cây cối hoa màu				540.000
1	Cây bơ bán kính phát tán từ 2 -4m	cây	1,0	540.000	540.000
14 Đối với hộ bà Trần Thị Mầu (Mầu) (hiện trạng ông Lưu Đức Lợi đang sử dụng)					
Địa chỉ: Tò 12, phường Đoàn Kết, thành phố Lai Châu					
Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)					3.873.297
a	Về đất				292.300
1	Diện tích thu hồi	m ²	7,9		
2	Loại đất				
	Đất trồng cây lâu năm	m ²	7,9	37.000	292.300
	Vị trí (VT1)				
Nguồn gốc: Đất của gia đình bà Trần Thị Mầu (hiện trạng ông Lưu Đức Lợi đang sử dụng) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 772 628, gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp, mục đích là đất trồng cây lâu năm.					
b	Về tài sản vật kiến trúc				3.490.997
Phần tài sản nằm trên diện tích đất đã thu hồi					
1	Trụ công xây gạch bi (0,4*0,4*2,5)	m ³	0,4	546.700	218.680
2	Nền BT đá dăm dày 10cm (4*1,5)	m ²	6,0	83.600	501.600
Phần tài sản ảnh hưởng không sử dụng được					
1	Nền BT đá dăm dày 10cm (3,9*2)	m ²	7,8	83.600	652.080
2	Nền BT đá dăm dày 10cm (3,9*2,72)	m ²	10,6	83.600	886.829
3	Tường xây gạch bi T12cm (3,9*2,2)	m ²	8,6	127.600	1.094.808
4	Ống PPR φ 20	m	5,0	27.400	137.000
c	Về cây cối hoa màu				90.000
1	Chậu cây cảnh	chậu	1,0	24.000	24.000
2	Cây nhãn trồng hạt năm thứ 2	cây	1,0	66.000	66.000
15 Đối với hộ ông Hăng A Chu (hiện trạng hộ gia đình bà Nguyễn Thị Thủy đang sử dụng)					
Địa chỉ: Bàn Phan Chu Hoa, xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu					
Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)					9.814.480

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
a	Về đất				1.662.500
1	Diện tích thu hồi	m ²	47,5		
2	Loại đất				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	m ²	47,5	35.000	1.662.500
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: Đất của gia đình ông Hàng A Chu (hiện trạng bà Nguyễn Thị Thủy đang sử dụng) tự khai hoang sử dụng trước năm 1993, sử dụng ổn định không tranh chấp, sử dụng là đất bằng cây trồng hàng năm khác				
b	Về tài sản vật kiến trúc				3.164.480
1	Tường xây gạch bi T12cm (15,5*1,3)	m ²	20,2	127.600	2.571.140
2	Móng xây gạch bi (15,5*0,3)	m ²	4,7	127.600	593.340
c	Về chính sách hỗ trợ				4.987.500
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (theo quy định tại Điều 16, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu), mức hỗ trợ bằng 3 lần giá đất bằng trồng cây hàng năm khác	đồng/ hộ	47,5	105.000	4.987.500
16	Đối với hộ ông Nguyễn Bá Tuấn				
	Địa chỉ: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)				
					22.633.776
a	Về tài sản vật kiến trúc				22.633.776
	Phần tài sản bị ảnh hưởng không sử dụng được				
1	Truy thu lại hạng mục Bán mái xây gạch bi tường 18 cm mái lợp tôn nền lát gạch liên doanh cao 3,5m (12*1,8) đã được tính bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 1023/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của UBND thành phố Lai Châu	m ²	21,6	-633.600	-13.685.760
2	Tính bổ sung Nhà xây gạch bi tường 18 cm mái lợp tôn lạnh nền lát gạch LD cao 3,5 m (12*1,8)	m ²	22	1.681.460	36.319.536

M. CHAU 7/21

